

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **283/2019/HS-ST**.
Ngày 26 - 6 -2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Doãn Đức.

Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Trần Ngọc Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 250/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2019/QĐXX-HS ngày 29 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị C** (tên gọi khác: **U**), sinh năm 1965 tại Bến Tre.

Nơi cư trú: 71/3K, khu phố 2, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn H, sinh năm 1927 (đã chết); và bà: Cao Thị K, sinh năm 1925 (đã chết); chưa có chồng, con; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị tạm giữ ngày 02/3/2019, chuyển tạm giam theo lệnh số: 27 ngày 11/3/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa.

- Bị hại: Bà **Mai Thị C**, sinh năm 1927 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: 1850, tổ 24, ấp V, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 02 năm 2019, Trần Thị C đi ngang qua tổ 24 ấp V, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai gặp bà Mai Thị C, sinh năm 1927 ngồi nhỏ cõ bên lề đường. C tiếp cận làm quen với bà C và biết được nơi ở của bà C là căn nhà số 1850,

tổ 24, ấp V, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Từ quan hệ quen biết này, C nảy sinh ý định tìm cách tiếp cận và chiếm đoạt tài sản của bà C.

Để thực hiện ý định phạm tội, khoảng 10 giờ 30 phút ngày 02/3/2019, C điều khiển xe mô tô biển số 60FD-6839 đến nhà bà C thì thấy bà C đang ở nhà một mình tại khu vực bếp. C lại gần và lấy tờ tiền 20.000đồng (Hai mươi nghìn đồng) đưa cho bà C nhằm chờ lúc bà C cất tờ tiền này thì C sẽ phát hiện nơi bà C cất tiền. Sau khi nhận 20.000 đồng C đưa thì bà C mở túi áo đang mặc lấy cọc tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) ra cầm trên tay dự định kẹp chung tờ tiền C vừa cho vào xấp tiền này. Lợi dụng bà C là người già yếu, cả tin và mất cảnh giác C giật số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) bà C đang cầm trên tay (toàn loại tiền mệnh giá 500.000 đồng) giấu vào lưng quần của C rồi đi ra phía trước nhà. Bà C tri hô và đuổi theo C thì C lấy 02 (hai) tờ mệnh giá 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng) của C đưa cho bà C rồi bước nhanh ra xe mô tô định bỏ đi. Lúc này, bà Trần Thị Thúy N, sinh năm 1970 (hàng xóm) nghe bà C tri hô liền chạy sang kịp thời giữ C lại và gọi điện báo Công an xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Trên đường Công an xã Phước Tân đưa C về trụ sở để làm việc thì C lấy số tiền chiếm đoạt được của bà C định đưa cho bà Trần Thị Chín E (em gái của C) nhằm tẩu tán vật chứng nhưng bị Công an xã P phát hiện, ngăn chặn và thu giữ số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Quá trình điều tra, C khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Bản cáo trạng số: 260/CT-VKSBH-HS ngày 25/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Trần Thị C về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa kiểm sát viên trình bày lời luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51. Xử phạt: Bị cáo Trần Thị C từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù đến 04 (bốn) năm tù.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 120.000đồng (Một trăm hai mươi nghìn đồng) và 01 (một) xe mô tô biển số 60FD-6839 là công cụ, phương tiện gây án.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trần Thị C: Kính mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định

của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, các lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, các chứng cứ khác có tại hồ sơ và cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa mô tả. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 02/3/2019, tại nhà số 1850, tổ 24, ấp V, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Trần Thị C đã có hành vi cướp giật 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) của bà Mai Thị C, sinh năm 1927 thì bị phát hiện bắt quả tang.

[3] Từ đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Trần Thị C đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”, theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang và bất bình cho quần chúng nhân dân nên cần có mức án nghiêm để cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bà Mai Thị C đã nhận lại số tiền 5.000.000đồng (Năm triệu đồng), không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 120.000đồng (Một trăm hai mươi nghìn đồng). (Theo biên lai thu tiền số 000226 ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô biển số 60FD-6839 là công cụ, phương tiện gây án. (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

[9] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Trần Thị C** phạm tội "Cướp giật tài sản".

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Trần Thị C 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 02/3/2019.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 120.000đồng (Một trăm hai mươi nghìn đồng). (Theo biên lai thu tiền số 000226 ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô biển số 60FD-6839 là công cụ, phương tiện gây án. (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa (2);
- Nhà tạm giữ Công an TP. Biên Hòa (1);
- Thi hành án hình sự (6);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Dung

